

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 5461/SKHĐT-ĐKKD
V/v báo cáo 03 năm thực hiện
Luật Hợp tác xã năm 2012.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 26 tháng 12 năm 2016

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
SỐ:	997
NGÀY:	09.01.2017
Đầu tư:	

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Thực hiện Công văn số 10378/BKHĐT-HTX ngày 15/12/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kết quả 03 năm thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả thực hiện 03 năm Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ KỂ TỪ KHI LUẬT HỢP TÁC XÃ CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH (01/7/2013 đến ngày 01/7/2016)

1. Tình hình phát triển hợp tác xã

- *Số lượng hợp tác xã*: Từ khi Luật hợp tác xã có hiệu lực (01/7/2013) đến nay trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có: 153 hợp tác xã thành lập mới, nâng tổng số hợp tác xã hiện có trên địa bàn tỉnh lên 911 hợp tác xã (giảm 134 hợp tác xã so với thời điểm 01/7/2013) nguyên nhân chủ yếu là do các hợp tác xã dịch vụ điện năng chuyên sang cho ngành điện quản lý và giải thể; 177 hợp tác xã ngừng hoạt động chờ giải thể và 473 hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi, tổ chức lại.

- *Thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên*: đến 01/7/2016, thành viên của hợp tác xã là 312.570 người; trong đó, thành viên mới gia nhập là 576 người; lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã là 42.817 người.

- *Về hiệu quả hoạt động của hợp tác xã*: tổng thu nhập của hợp tác xã đạt khoảng 3.201 triệu đồng/hợp tác xã, so với thời điểm 01/7/2013 tăng 1.021 triệu đồng; tổng lợi nhuận của hợp tác xã đạt khoảng 140 triệu, so với thời điểm 01/7/2013 tăng 20 triệu; thu nhập bình quân của thành viên, người lao động đạt 21,4 triệu đồng, so với thời điểm 01/7/2013 tăng 9 triệu đồng/người/năm; đóng góp của khu vực hợp tác vào GRDP của tỉnh đạt khoảng 0,65%, so với thời điểm 01/7/2013 tăng 0,09%.

- *Số lượng cán bộ quản lý hợp tác xã*: đến 01/7/2016, cán bộ quản lý hợp tác xã có 4.530 người; trong đó, cán bộ quản lý đạt trình độ đại học, trung cấp: 498 người, chiếm tỷ lệ 11% so với số cán bộ quản lý hợp tác xã.

2. Đánh giá theo lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp

Đến 01/7/2016, có 589 hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, chiếm 65,7% tổng số hợp tác xã. Hoạt động của hợp tác xã có chuyển biến tích cực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã viên, song chủ yếu vẫn là dịch vụ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; thu nhập bình quân của lao động trong hợp tác xã nông nghiệp khoảng 1,8 triệu đồng/người/tháng. Nhiều hợp tác xã đã quan tâm đến phát triển thêm

thành viên và huy động thêm vốn góp, tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực, phát triển kinh doanh, làm tốt các khâu dịch vụ, như: mua sắm máy gặt đập liên hợp, máy làm đất, máy cấy - mạ khay, cải tạo nâng cấp lưới điện, trạm bơm nước, tu sửa và làm mới kênh mương nội đồng, mở rộng diện tích vườn ươm, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển thêm các khâu dịch vụ làm đất, gặt đập, gieo cấy mạ khay, sản xuất rau an toàn, vệ sinh môi trường, cung ứng vật tư nông nghiệp. Thông qua các khâu dịch vụ, các hợp tác xã đã tạo thuận lợi cho các hộ nông dân tiến hành sản xuất, gieo cấy, chăm sóc lúa vụ chiêm xuân, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần tăng sản lượng hàng hóa nông, lâm, thủy sản của tỉnh.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Trên địa bàn tỉnh hiện có 117 hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; trong đó, có 98 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và 19 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ điện năng, hoạt động của các hợp tác xã đã có sự gắn kết, hình thành và phát triển các cụm công nghiệp và làng nghề. Nhiều hợp tác xã tiếp tục tìm kiếm thị trường, đầu tư thiết bị, phương tiện để duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, qua đó tiếp tục duy trì và hoạt động ổn định hơn, giải quyết công ăn việc làm và mang lại thu nhập cho thành viên, người lao động.

2.3. Lĩnh vực vận tải

Đến 01/7/2016, hiện có 18 hợp tác xã vận tải, trong điều kiện biến động của nguyên vật liệu trong những năm gần đây, nhất là giá dầu tiếp tục tăng cao; song, các hợp tác xã tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, nhiều hợp tác xã đã huy động thêm vốn góp của các thành viên, mở thêm tuyến mới, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân; chủ động bố trí, sắp xếp phương tiện tham gia vận tải hành khách, tăng cường các biện pháp nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của hành khách, gắn với đảm bảo an toàn giao thông; đồng thời tiếp tục đầu tư mới, điều chỉnh luồng tuyến nên lượng hàng hóa, hành khách vận chuyển luôn được duy trì ở mức khá.

2.4. Lĩnh vực xây dựng

Toàn tỉnh có 21 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, hầu hết các hợp tác xã có quy mô nhỏ, sử dụng lao động phổ thông và thi công các công trình có quy mô nhỏ, nhà dân, vốn đầu tư thấp, thời gian thi công ngắn. Tuy hiệu quả hoạt động chưa cao nhưng các hợp tác xã cũng đã giải quyết việc làm, ổn định thu nhập cho một bộ phận lao động nông thôn.

2.5. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ

Trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ có 34 hợp tác xã, hoạt động của các hợp tác xã thương mại dịch vụ tương đối ổn định và có bước phát triển khá. Một số hợp tác xã tiếp tục đầu tư mở rộng kinh doanh, đồng thời làm tốt công tác tổ chức, quản lý nên hiệu quả kinh doanh được nâng lên; một số hợp tác xã mở rộng hình thức kinh doanh, tham gia vào hoạt động quản lý, khai thác và kinh doanh chợ, vệ sinh môi trường, phục vụ tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân

và thành viên, góp phần thúc đẩy tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

2.6. Quỹ tín dụng nhân dân

Trên địa bàn tỉnh có 67 quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động với tổng nguồn vốn 4.460 tỷ đồng, hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng tương đối tốt, thông qua quỹ tín dụng người dân, xã viên có cơ hội mở mang dịch vụ, ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, thực hiện các mục tiêu tạo việc làm cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo.

Ngoài ra, có 65 hợp tác xã hoạt động trong các lĩnh vực như: dịch vụ vệ sinh môi trường, sản xuất muối... Tuy quy mô nhỏ; song, cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên hợp tác xã có thêm việc làm, nâng cao thu nhập.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

1. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã

Cùng với việc tuyên truyền, phổ biến và tổ chức triển khai Luật Hợp tác xã năm 2012, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn về kinh tế tập thể của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành một số cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của hợp tác xã, nổi bật là: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 06/11/2013 về việc thực hiện Kết luận số 56KL/TW ngày 21/2/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; ban hành Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về phê duyệt Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015 - 2020; ban hành Quyết định số 3394/UBND-THKH ngày 07/9/2015 về thành lập ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban; xúc tiến thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm và hàng năm, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương và của tỉnh.

2. Công tác triển khai, giám sát thi hành Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn

2.1. Triển khai, giám sát thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn

Triển khai Luật Hợp tác xã 2012, Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Luật Hợp tác xã, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành một số văn bản chỉ đạo, điều hành nhằm đẩy mạnh phát triển hợp tác xã, như: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 13/8/2015 về đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cuộc thi tìm

hiểu các loại mô hình hợp tác xã kiểu mới do đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh làm Trưởng ban.

Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể và các sở, ban, ngành đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn về tổ chức lại, chuyển đổi hợp tác xã như: hướng dẫn số 34/HD-BCĐ ngày 07/3/2016 của Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể về hướng dẫn một số nội dung tổ chức lại hoạt động Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; hướng dẫn số 2046/HD-SNN&PTNT ngày 12/8/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thực hiện chuyển đổi các Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Ngoài ra, UBND tỉnh Thanh Hóa đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền về nguyên tắc, giá trị, bản chất của hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới ở địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng chuyên mục truyền hình “Phát triển kinh tế tập thể” phát sóng đều đặn, mỗi tháng một chuyên mục, mỗi chuyên mục được phát 4 lần trong tháng; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các hợp tác xã với các hình thức: tổ chức các lớp tập huấn hội nghị, phát hành tờ rơi...

2.2. Đăng ký lại và giải thể hợp tác xã

a) Về đăng ký lại hợp tác xã

Đến 01/7/2016, toàn tỉnh có 473 hợp tác xã đã thực hiện chuyển đổi, tổ chức lại hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012, đạt 52,2% số hợp tác xã phải chuyển đổi, tổ chức lại; trong đó, số hợp tác xã đã chuyển trong lĩnh vực nông nghiệp là 373 hợp tác xã, đạt 41,2 % so với tổng số hợp tác xã và đạt 62,6% số hợp tác xã nông nghiệp; số hợp tác xã phi nông nghiệp đã chuyển đổi là 100 hợp tác xã, đạt 11% so với tổng số hợp tác xã và đạt 32,3% số hợp tác xã phi nông nghiệp. Sau chuyển đổi, các hợp tác xã đã có những chuyển biến tích cực, việc xác định tư cách thành viên tham gia hợp tác xã rõ ràng hơn, xóa bỏ tình trạng thành viên hợp tác xã cũ đương nhiên là thành viên hợp tác xã mới; số vốn góp của từng thành viên tham gia hợp tác xã đã tăng lên, góp phần mở rộng các hoạt động dịch vụ của các hợp tác xã.

b) Về giải thể hợp tác xã: đến 01/7/2016 có 177 hợp tác xã giải thể, chủ yếu là các hợp tác xã dịch vụ điện nông thôn do chuyển đổi quản lý.

2.4. Cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên, tình hình góp vốn tham gia của thành viên vào hợp tác xã.

- Về cung ứng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên: hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp tuy đã có chuyển biến, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã viên, song chủ yếu vẫn là dịch vụ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp. Có 35,68% HTX tổ chức được 6 khâu dịch vụ trở lên; 38,1% HTX tổ chức được từ 4 - 5 khâu dịch vụ; số còn lại chỉ tổ chức được 1 - 2 khâu dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ thủy lợi nội đồng.

- Về góp vốn tham gia của thành viên vào hợp tác xã: việc góp vốn tham gia của thành viên vào hợp tác xã đã có chuyển biến hơn. Nhiều hợp tác xã sau khi chuyển đổi theo Luật hợp tác xã 2012 vừa đảm bảo nguyên tắc, bản chất của hợp tác xã vừa đảm bảo hoạt động kinh doanh theo cơ chế thị trường; song, vẫn còn nhiều hợp tác xã việc góp vốn của thành viên chưa đảm bảo, do đó, năng lực tài chính của hợp tác xã còn hạn chế nên đến hiệu quả hoạt động chưa cao.

2.5. Xây dựng mô hình hợp tác xã

UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 về việc hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình thí điểm hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã năm 2012; theo đó, bố trí 2,5 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh để lựa chọn mô hình thí điểm 05 hợp tác xã nông nghiệp để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điểm trong năm 2016 để nhân rộng vào những năm tiếp theo.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể

3.1. Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ

- *Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã*: Trong 03 năm, đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho 3.229 người là cán bộ quản lý hợp tác xã với kinh phí là 5.872 triệu đồng. Ngoài ra, hàng năm các địa phương trích ngân sách địa phương tổ chức các lớp bồi dưỡng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp cho các cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã nông nghiệp.

- *Chính sách hỗ trợ về khoa học công nghệ*: tỉnh đã hỗ trợ các hợp tác xã thông qua việc triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh tại các địa phương, hợp tác xã nông nghiệp về sản xuất giống lúa có năng suất cao; du nhập, tuyển chọn các giống ở một số loại cây trồng; ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo, lai tạo giống chất lượng cao trong chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao và tạo thêm nghề nuôi trồng mới cho các hợp tác xã, hộ nông dân.

- *Chính sách tín dụng*: để đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ thanh toán cho các thành phần kinh tế, trong đó có khu vực kinh tế tập thể, các tổ chức tín dụng đã cải tiến quy trình, thủ tục cho vay, khoan nợ, gia hạn, miễn giảm lãi vay, tạo thuận lợi cho các hợp tác xã tiếp cận được nguồn vốn, góp phần giải quyết một phần khó khăn về vốn, thúc đẩy hợp tác xã sản xuất kinh doanh.

- *Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường*: vận động, hỗ trợ và tổ chức cho các hợp tác xã tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại do các bộ, ngành và địa phương tổ chức; hỗ trợ kinh phí thuê gian hàng, kinh phí vận chuyển hàng hóa, chi phí đi lại tại Hội trợ thương mại miền Tây Thanh Hóa; gắn quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch của tỉnh với công tác xúc tiến thương mại để các hợp tác xã tham gia tìm kiếm thị trường, đối tác mở rộng thị trường.

- *Chính sách hỗ trợ hợp tác xã đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội*: Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/12/2013 của Chính phủ đã quy định việc ưu tiên cho các hợp tác xã tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội

CHỦ
SỞ
IOA
ĐẦU
THAN

phù hợp với khả năng của hợp tác xã; song, mỗi chương trình, dự án có tiêu chí, quy định về vốn, phương tiện, nhân lực, kỹ thuật, trong khi năng lực nội tại của các hợp tác xã còn yếu; do đó, việc tham gia các chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các hợp tác xã gặp nhiều khó khăn.

3.2. Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể được quan tâm, các sở, ban, ngành đã củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, cụ thể: Sở Kế hoạch và Đầu tư có bộ phận theo dõi là Phòng Đăng ký kinh doanh; Sở Nông nghiệp và PTNT giao Chi cục Phát triển nông thôn theo dõi đối với HTX nông nghiệp. Các sở: Công thương, Giao thông Vận tải, Xây dựng,... đã quan tâm hơn đến phát triển kinh tế tập thể, phân công cán bộ theo dõi, chỉ đạo. Các huyện, thị xã, thành phố giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch hoặc Phòng Nông nghiệp theo dõi lĩnh vực phát triển kinh tế tập thể, định kỳ báo cáo theo quy định.

Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp trong việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật và vận động, giáo dục quần chúng, hội viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả.

III. CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI, KHÓ KHĂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Các vấn đề tồn tại, khó khăn

- Số lượng hợp tác xã thành lập mới ít so với tiềm năng, lợi thế của địa phương; liên hiệp hợp tác xã chậm phát triển. Quy mô hoạt động và năng lực nội tại của các hợp tác xã còn yếu; công tác tổ chức quản lý và sản xuất ở một số hợp tác xã chưa chặt chẽ, nhất là từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

- Công tác tổ chức, triển khai quán triệt Luật hợp tác xã và các chương trình hỗ trợ kinh tế hợp tác mặc dù được quan tâm chỉ đạo, song vẫn còn một số nơi cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức; việc thực hiện các chính sách khuyến khích kinh tế tập thể ở một số địa phương, đơn vị còn cứng nhắc, chưa linh hoạt nên hiệu quả không cao.

- Chính phủ và các Bộ, ngành có liên quan đã xây dựng, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến kinh tế hợp tác. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn thi hành ban hành còn chậm; nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương cho địa phương triển khai thực hiện các chính sách còn hạn chế.

2. Nguyên nhân

- Nhận thức về vị trí, vai trò của một số ngành, địa phương về lĩnh vực kinh tế hợp tác chưa đầy đủ; công tác quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác đã được sắp xếp, nhưng cán bộ theo dõi chủ yếu là kiêm nhiệm; cơ chế, chính sách hỗ trợ hợp tác xã của Trung ương và của tỉnh tuy đã được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện nhưng do năng lực và khả năng tiếp cận của các hợp tác xã còn hạn chế.

- Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã

giai đoạn 2015 - 2020, tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa bố trí kinh phí; do đó gây lúng túng cho địa phương khi bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh, do những hạng mục thiết yếu cần hỗ trợ đều được quy định nguồn vốn từ Trung ương.

- Do đặc điểm ở địa phương có số lượng hợp tác xã nhiều, địa bàn rộng, kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã còn hạn chế so với tổng số cán bộ hợp tác xã.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vị trí, vai trò của kinh tế tập thể.

Hai là, nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, sự chỉ đạo và tạo điều kiện của chính quyền các cấp trong việc đề ra các giải pháp cụ thể, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể.

Ba là, làm tốt công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, tập hợp được các lực lượng, huy động được mọi nguồn lực của toàn xã hội tham gia vào phát triển kinh tế tập thể.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm bố trí kinh phí hỗ trợ chung, hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, ghi rõ mục tiêu hỗ trợ để làm cơ sở cho địa phương triển khai thực hiện đúng mục tiêu, đối tượng theo Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.

- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020 và bố trí nguồn vốn giai đoạn 2016 - 2020 để địa phương thực hiện.

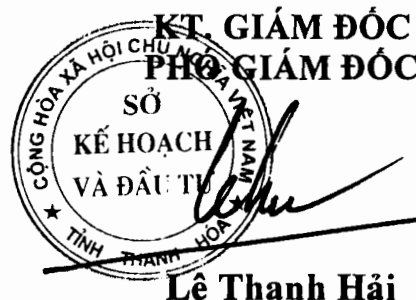
- Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu sửa đổi một số nội dung liên quan đến quy định về định mức chi phí hỗ trợ như thù lao cán bộ giảng dạy, ăn, ở, đi lại cho học viên và các chi phí khác cho việc tổ chức lớp... để đảm bảo được tính hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã.

Trên đây là Báo cáo 03 năm thực hiện Luật Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, ĐKKD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHỤ GIÁM ĐỐC
SỞ
KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THANH HÓA



Lê Thanh Hải

Phụ lục 1

CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Công văn số: 5461 /SKHĐT- ĐKKD ngày 26 /12/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm			
			2013	2014	2015	ước 2016
I	HỢP TÁC XÃ					
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%	0,56	0,6	0,62	0,65
2	Tổng số HTX	HTX	910	920	886	911
	<i>Trong đó:</i>					
-	Số HTX thành lập mới	HTX	44	26	53	30
-	Số HTX giải thể	HTX	60	38	63	16
3	Tổng số thành viên HTX	Người	320.899	322.299	340.175	312.570
	<i>Trong đó:</i>					
	Số thành viên mới	thành viên	1.212	1.300	1.500	576
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Thành viên	42.315	44.755	46.175	42.817
	<i>Trong đó:</i>					
-	Số lao động thường xuyên mới	Người	1.147	1.262	1.490	1.184
-	Số lao động là thành viên HTX	Người	25.935	28.383	28.301	29.608
5	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm	2.180	2.398	2590	3.201
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm				
6	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm	120	120	120	145,2
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm	12,5	17,5	20,12	21,4
8	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người	2.885	3.156	3.524	4.530
	<i>Trong đó:</i>					
-	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	2.020	2.209	2.467	2.870
-	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên.	Người	144	158	264	498
II	LIÊN HIỆP HTX					
1	Tổng số liên hiệp HTX	LHHTX	-	-	-	-

Phụ lục 2

**SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ**

(Kèm theo Công văn số: 5461 /SKHĐT- ĐKKD ngày 26 /12/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm			
			2013	2014	2015	2016
I	HỢP TÁC XÃ					
	Tổng số Hợp tác xã	HTX	910	920	886	911
	Chia ra:					
1	Hợp tác xã nông - lâm - ngư	HTX	557	567	552	589
2	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	220	198	167	117
3	HTX xây dựng	HTX	15	24	14	21
4	HTX tín dụng	HTX	68	67	67	67
5	HTX thương mại	HTX	13	15	31	34
6	HTX vận tải	HTX	23	26	22	18
7	HTX khác	HTX	9	18	11	65
II	LIÊN HIỆP HTX					
	Tổng số LHHTX		-	-	-	-

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ LẠI, CHUYỂN ĐỔI HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
(Kèm theo Công văn số: 5461 /SKHĐT- ĐKKD ngày 26 /12/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa)

STT	Loại hình/lĩnh vực	ĐVT	Tổng số	Trong đó:		Số phải chuyển đổi, đăng ký lại theo Luật HTX 2012	Trong đó:				Giải thể, chờ giải thể
				Tổng số đang hoạt động	Tổng số tạm ngừng hoạt động		Đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012	Đã đăng ký lại theo Luật HTX 2012	Đã chuyển đổi sang loại hình tổ chức khác	Chưa đăng ký lại, chưa chuyển đổi theo Luật HTX 2012	
I	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9+10+11	8	9	10	11	12=4-7
I	Tổng số HTX, trong đó:	HTX	911	911		859	473				
1	Lĩnh vực nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	589	589		565	373				
2	Lĩnh vực CN-T TCN	HTX	95	95			34				
3	Lĩnh vực xây dựng	HTX	21	21			7				
4	Lĩnh vực tín dụng	HTX	67	67							
5	Lĩnh vực thương mại	HTX	34	34			12				
6	Lĩnh vực vận tải	HTX	18	18			6				
7	Lĩnh vực khác	HTX	65	65			5				
II	Tổng số LHHTX, trong đó:										
1	Lĩnh vực nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX									
2	Lĩnh vực CN-T TCN	LHHTX									
3	Lĩnh vực xây dựng	LHHTX									
4	Lĩnh vực tín dụng	LHHTX									
5	Lĩnh vực thương mại	LHHTX									
6	Lĩnh vực vận tải	LHHTX									
7	Lĩnh vực khác	LHHTX									

Phụ lục 4

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

(Kèm theo Công văn số: 5461 /SKHĐT-ĐKKD ngày 26/12/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung chính sách	Kết quả thực hiện									
		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Số lượng		Kinh phí (Triệu đồng)	
		Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (Triệu đồng)	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP
1	Bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX (người)	492	354	445	354	586	500	500	500	500	524
2	Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX năm 2016 (HTX)					5					2.500